



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: 84.4.38252791 - Fax: 84.4.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

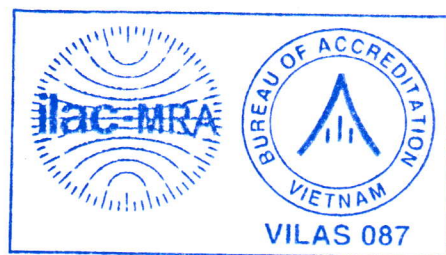
CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis
CHUẨN PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số: 21/ 2016

TÊ TÂN

(Radix et Rhizoma Asari)

SKS: CV 0116 040.01



Dược liệu Tê tân là thân rễ đã phơi hay sấy khô của cây *Asarum sp.* họ Mộc hương (*Aristolochiaceae*).

I. Mục đích sử dụng: Dược liệu chuẩn phòng thí nghiệm Tê tân (SKS: CV 0116 040.01) được sử dụng trong phép thử định tính.

II. Mô tả

Dược liệu cuộn lại thành một khối lỏng lẻo. Thân rễ mọc ngang hình trụ, không đều, phân nhánh ngắn, dài 1,2 cm đến 10 cm, đường kính 2 mm đến 3,8 mm, mặt ngoài màu nâu xám, xù xì, với những mấu vòng, đốt dài 2 mm đến 3 mm, có vết hình đĩa của các sẹo thân ở đầu nhánh. Rễ mảnh dễ, mọc gần nhau ở các mấu, dài 10 cm đến 20 cm, đường kính 1 mm; mặt ngoài màu vàng xám, nhẵn, có vết nhăn dọc, với những rễ con nhỏ hoặc vết sẹo. Mùi thơm, vị cay, nếm có cảm giác tê lưỡi.

III. Kết quả phân tích: Tiến hành song song với dược liệu chuẩn Tê tân (SKS: 121204-201104; Nguồn gốc: Trung Quốc) theo tiêu chuẩn số: TC/TQKT-ĐD/040.01

- | | |
|--|---|
| 1. Vi phẫu | : Đạt |
| 2. Định tính
Phương pháp SKLM | : Trên sắc ký đồ, dung dịch thử cho các vết có cùng màu sắc và cùng giá trị R_f với các vết thu được từ dung dịch đối chiếu Tê tân. |
| 3. Độ ẩm:
Phương pháp cất với dung môi | : 11,5 % |
| 4. Tro toàn phần | : 5,8 % |
| 5. Tạp chất | : Không đáng kể |
| 6. Định lượng tinh dầu toàn phần | : 2,2 % |

7. **Chất chiết được trong dược liệu** : 9,4 %

Phương pháp chiết nóng, dùng ethanol

96% (TT) làm dung môi.

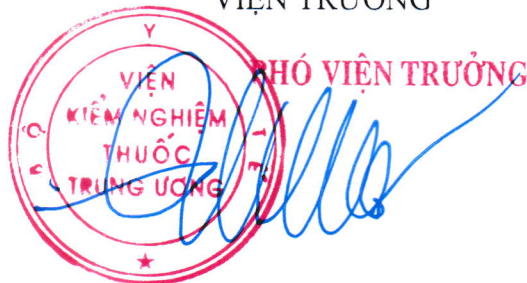
IV. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng

V. Bảo quản: Nhiệt độ $25^{\circ}\text{C} \pm 5^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\leq 75\%$.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra (năm)	Kiểm tra lần sau (năm)	Phụ trách khoa (ký)
07/2016	07/2017	<i>Nga</i>
07/2017	07/2018	<i>Nga</i>
07/2018	07/2019	<i>Nga</i>
07/2019	07/2020	<i>Nga</i>
07/2020	07/2021	<i>Nga</i>
07/2021	07/2022	<i>Nga</i>
07/2022	07/2023	<i>Nga</i>
07/2023	07/2024	<i>Nga</i>
07/2024	07/2025	<i>Nga</i>
07/2025	07/2026	<i>Nga</i>
07/2026	07/2028	<i>Nga</i>

Hà Nội, ngày 18... tháng 7... năm 2016

VIỆN TRƯỞNG



Trần Việt Hùng



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: 024.38252791 - Fax: 024.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM

Số: 08/2025

HOÀNG CÀM

(Radix Scutellariae)

SKS: HP0225056

Rễ đã phơi, sấy khô và cạo vỏ của cây Hoàng cầm (*Scutellaria baicalensis* Georgi), họ Bạc hà (Lamiaceae), đã được nghiền thành bột.

I. Mục đích sử dụng

Sử dụng trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

II. Mô tả: Bột màu vàng.

III. Liên kết chuẩn

Dược liệu chuẩn Hoàng cầm (NIFDC - Trung Quốc), SKS: 120955 – 201810;

Chất chuẩn Baicalin (NIFDC - Trung Quốc), SKS: 110715-201619, HL: 93,5 %
($C_{21}H_{18}O_{11}$), tính theo nguyên trạng.

IV. Kết quả phân tích

1. Bột : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Hoàng cầm.

2. Độ ẩm : 6,7 %.

PP sấy (1 g, 105 °C, 5h)

3. Tro toàn phần : 4,8 %.

4. Định tính

Phản ứng hóa học : Thể hiện phản ứng hóa học của dược liệu Hoàng cầm.

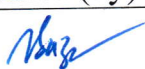
Phương pháp SKLM : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết có cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ dung dịch dược liệu chuẩn Hoàng cầm.

5. Định lượng : 13,7 % Baicalin ($C_{21}H_{18}O_{11}$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp HPLC

V. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

VI. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	07/2026	
07/2026	07/2028	

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

Lê Quang Thảo

Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>